

Bản án số: 55 /2026/HS-ST  
Ngày 31-3-2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Đích

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2

- Đà Nẵng

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*

Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo.

1. **Thân Đức P** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2006; giới tính: Nam; Căn cước công dân số 048206008803; nơi ĐKTT và chỗ ở: K478/H16/4 L, tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Đức T và bà Phạm Thị Thùy T1; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 01 tháng 4 năm 2025 (*Có mặt*).

2. **Đỗ Phước N** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2006; giới tính: Nam; Căn cước công dân số 048206004841; nơi ĐKTT và chỗ ở: K L, tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức P1 (chết) và bà Đỗ Thị Thu Y; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 10 tháng 4 năm 2025 (*Có mặt*).

3. **Nguyễn Đức T2** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2004; giới tính: Nam; Căn cước công dân số 048204007462; nơi ĐKTT và chỗ ở: K74/H36/06 P, tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn:

7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M và bà Võ Thị H; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 20 tháng 10 năm 2025 (*Có mặt*).

4. **Lê Nguyễn Ngọc V** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2002; giới tính: Nam; Căn cước công dân số 048202005372; nơi ĐKTT và chỗ ở: Số H T, tổ F, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị Hồng N1; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có vợ Phạm Hà M1, có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2023 bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” (QĐ số 07 ngày 02/3/2023), đã chấp hành (Biên lai số 1195597 ngày 14/6/2023); bị cáo bị tạm giam ngày 10 tháng 4 năm 2025 (*Có mặt*).

5. **Trần Nhật M2** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2006; giới tính: Nam; Căn cước công dân số 048206002913; nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ G, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phong A và bà Ngô Thị Như P2; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 10 tháng 4 năm 2025 (*Có mặt*).

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lưu Hồ Anh T4, sinh ngày 17/9/2007; địa chỉ: K T, phường T, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*)

*Người đại diện hợp pháp của Lưu Hồ Anh T4:* Ông Lưu Thế N2, sinh năm 1987; địa chỉ: K T, phường T, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*)

2. Ông Đinh Trần C, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố Đà Nẵng (hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngũ Hành S) (*Có mặt*)

3. Công ty Cổ phần Q

Đại diện theo pháp luật ông Lê Văn H1

Địa chỉ: Số C N, phường T, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*)

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: phường Đ, thành phố Đà Nẵng (*Có đơn xin vắng mặt*)

5. Ông Trần Ngọc H2, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn Q, phường L, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*)

6. Công ty TNHH Hoa My Vũ

Đại diện theo pháp luật ông Phan Chí V1 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số C - C N, phường H, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Lúc 10 giờ 45 phút ngày 31/3/2025, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an T9 phối hợp với Công an các P3, P.Thanh Khê Đ (cũ) tiến hành kiểm tra phòng 405 -

Khách sạn H5 (Số C đường N, TP .), phát hiện bắt quả tang Thân Đức P về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” 01 gói ni lông tại học tử bên cạnh giường thứ 3. Tại hiện trường còn có Lê Nguyễn Ngọc V, Trần Nhật M2, Đỗ Phước N, Lưu Hồ Anh T4 (sinh ngày: 17/9/2007; Nơi cư trú: K T, P. T, TP .) và Trần Ngọc H2 nên tiến hành triệu tập về trụ sở Công an làm việc để xác định hành vi liên quan.

**Vật chứng và tài sản tạm giữ:** 01 gói ni lông màu cam kích thước khoảng (4x6) cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng của Thân Đức P (niêm phong, ký hiệu A gửi giám định); 01 điện thoại di động, màu vàng, số IMEI: 356571080917453, gắn sim số 0766.710.060 của Thân Đức P; 01 điện thoại di động, màu tím, số IMEI: 352820549587173, gắn sim số 0775.432.024 của Trần Nhật M2; 01 điện thoại di động, màu xanh, số IMEI: 353510605169672, gắn sim số 0777.428.021 của Lê Nguyễn Ngọc V (kiểm tra bên trong có nội dung liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy); 01 điện thoại di động, màu hồng, số IMEI: 356737080215327, gắn sim số 0788.500.040 của Đỗ Phước N; 01 điện thoại di động, màu xanh, bị bể mặt gương phía trước và phía sau, số IMEI: 860752046521394, gắn sim số 0934.935.760 của Trần Ngọc H2; 02 vỏ bình kim loại màu xanh (đã sử dụng hết khí); 01 Hoá đơn bán hàng số HD0225031003 của quán K.

Tiến hành kiểm tra chất ma túy trong cơ thể: P, T4, M2, V, N đều dương tính; H2 âm tính. Tiến hành lấy mẫu nước tiểu của H2, P, T4, M2, V, N (niêm phong, ký hiệu theo thứ tự B1, B2, B3, B4, B5, B6; gửi giám định).

Tại Kết luận giám định số 250/KL-KTHS ngày 08/4/2025 của Phòng K1 Công an thành phố T9, kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu A: 0,909 gam.

- Mẫu nước tiểu niêm phong ký hiệu B2, B3, B4, B5, B6 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại MDMA và Ketamine.

Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu nước tiểu niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định.

Hoàn trả đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau khi trích để giám định và toàn bộ bao gói mẫu ký hiệu A (Biên bản đóng gói, niêm phong ngày 01/4/2025)

*Qua điều tra xác định được như sau:*

Khoảng 00 giờ ngày 31/3/2025, Thân Đức P, Đỗ Phước N, Lê Nguyễn Ngọc V, Trần Nhật M2, Lưu Hồ Anh T4 gặp nhau tại tiệm G (địa chỉ: F P, TP .). Tại đây, P và N rủ cả nhóm đi hát karaoke và sử dụng ma túy, P và N sẽ chi trả toàn bộ chi phí, cả nhóm đồng ý rồi cùng ra quán nước đối diện tiệm game ngồi uống nước, còn P đi về nhà tắm, thay quần áo.

Tại quán nước, V liên lạc rủ thêm Nguyễn Đức T2 cùng sử dụng ma túy và nói T2 mua ma túy và đặt phòng karaoke. T2 đồng ý rồi đi đến quán nước. Tại đây, T2 liên hệ đặt phòng Dubai tại quán K2 (thuộc Công ty Cổ phần Q; địa chỉ: số E V,

P. N, TP .) cho cả nhóm sử dụng ma túy và qua T5 liên hệ với Đinh Trần C (SN: 1990; Nơi cư trú: Tổ C, P. N, TP .) hỏi mua 06 viên thuốc lắc và 01 gói “hộp 10” ma túy Ketamine với giá 10.000.000 đồng. C đồng ý bán và yêu cầu thanh toán bằng cách chuyển tiền vào tài khoản số 0901345643 ngân hàng TMCP Q1 của Đinh Trần C. T2 nói cho V những thông tin này để V đã dùng tài khoản số 0777428021 ngân hàng TMCP Q1 của V chuyển khoản trả trước tiền mua ma túy 10.000.000 đồng cho C. Sau đó, T2 rời quán nước để đi đón bạn gái là N3 (không rõ lai lịch).

Trước đó, P và N để dành được 29.000.000 đồng nên N đưa cho M2 nói M2 chuyển khoản cho V 22.500.000 đồng để thanh toán các chi phí tổ chức sử dụng ma túy (số còn lại P nhờ M2 chuyển cho bạn của P là Lê Thị Phương T6 (1.500.000 đồng) và Hồ Đức D (1.500.000 đồng) vào việc cá nhân). M2 đồng ý và đã sử dụng tài khoản 2808200666666 ngân hàng M3 của mình chuyển khoản số tiền này đến tài khoản 0777428021 ngân hàng M3 của V. Ngoài ra, T2 cũng dùng tài khoản số 0775333306 ngân hàng M3 của T2 chuyển khoản 2.000.000 đồng đến tài khoản của V với mục đích góp tiền mua ma túy.

Đến khoảng 02 giờ 10 phút cùng ngày, N, V, M2, T4 đi bộ đến tại khu vực kiệt D L, TP . (gần nhà P) gặp P rồi V đặt xe grab chở cả nhóm gồm P, N, V, M2, T4 đến quán K2, nhận phòng D1. Khoảng 15 phút sau, T2 cùng N3 đến vào phòng D1. Sau đó, T2 đi một mình đến khu vực bãi giữ xe nhận ma túy đã đặt mua của C từ một thanh niên (không rõ lai lịch) rồi đem lên phòng D1. Khi vào phòng, T2 để thuốc lắc lên bàn để cả nhóm ai sử dụng thì tự lấy và đổ một phần ketamine ra đĩa sứ (có sẵn trong phòng) rồi xào ketamine (bằng chảo và ống hút nhựa T2 nhặt được) cho cả nhóm cùng sử dụng. Sau khi số ketamine này được sử dụng hết, P đổ thêm ketamine vào đĩa, xào cho cả nhóm tiếp tục sử dụng. P, N, V, M2, T4, T2 và N3 đã cùng sử dụng số ma túy này; trong đó, M2 có đưa đĩa ma túy ketamine cho T4 sử dụng. Ngoài ra, trong phòng lúc này còn có 04 người phụ nữ (đều không rõ lai lịch), trong đó 01 người tên T7 do V gọi đến, 03 người còn lại do P gọi đến, đều thông qua ứng dụng T5, với mục đích đến để phục vụ cả nhóm hát karaoke, không rõ 04 người này có sử dụng ma túy hay không. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, T2 và N3 ra về trước.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, P và những người còn lại ra về. Khi thanh toán, V chuyển khoản 10.367.000 đồng cho Nguyễn Thị L (SN: 1988; Nơi cư trú: P. Đ, TP .; là thu ngân quán K2) để trả chi phí karaoke là 4.766.300 đồng (làm tròn thành 4.767.000 đồng) và nhờ L đưa tiền cho 04 người phụ nữ phục vụ hát karaoke là 5.600.000 đồng; L đồng ý và đã đưa tiền mặt cho 04 người phụ nữ nêu trên.

Khi ra về, P thấy còn dư ma túy Ketamine trong phòng karaoke nên tự lấy cất trong người đem về để sử dụng sau. V đặt xe grab chở cả nhóm gồm P, N, T4, V đến thuê phòng 405 khách sạn H5 (thuộc Công ty TNHH H6; địa chỉ: số C N, P. H, TP .) để ngủ. Tại đây, P lấy gói ma túy Ketamine còn dư nêu trên ra cất vào hộc tủ bên cạnh giường thứ 3 (tính từ cửa ra vào phòng đến cuối phòng) và liên lạc mua 02

bình khí cười của một người tên R (không rõ lai lịch) với giá 1.700.000 đồng (chưa thanh toán) về cho cả nhóm cùng sử dụng. R thuê Trần Ngọc H2 (SN: 2006; Nơi cư trú: Thôn Q, P. L, TP .) giao 02 bình khí cười cho P và cả nhóm đã sử dụng hết. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, Phòng CSĐTTP về ma túy Cơ quan CSĐT Công an T9 tiến hành kiểm tra phòng 405 đã phát hiện, bắt quả tang P về hành vi tàng trữ trái phép gói ma túy Ketamine còn dư nêu trên và triệu tập N, V, M2, T4 và H2 (đang ở phòng 405 để thu vỏ bình khí cười) về làm việc.

Như vậy, V đã nhận tổng cộng 24.500.000 đồng từ P, N và T2 để thanh toán chi phí cho cả nhóm sử dụng ma túy. V đã chi tổng cộng 21.302.000 đồng, gồm: Tiền mua ma túy 10.000.000 đồng; tiền xe grab chở cả nhóm đến quán karaoke 134.000 đồng; tiền xe grab chở cả nhóm đến khách sạn 101.000 đồng ; tiền karaoke 10.367.000 đồng (gồm chi phí cho quán karaoke và 04 người phụ nữ phục vụ hát karaoke), tiền phòng khách sạn 700.000 đồng; còn lại 3.198.000 đồng.

Không thu giữ được các dụng cụ sử dụng ma túy của cả nhóm.

Quá trình điều tra, Thân Đức P, Đỗ Phước N, Lê Nguyễn Ngọc V, Trần Nhật M2, Nguyễn Đức T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-KV2 ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng truy tố các bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N, Nguyễn Đức T2, Lê Nguyễn Ngọc V và Trần Nhật M2 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 (riêng Trần Nhật M2 thêm khoản 2) Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Thân Đức P, Nguyễn Đức T2, Lê Nguyễn Ngọc V, Đỗ Phước N và Trần Nhật M2 mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với 01 hóa đơn bán hàng số HD0225031003 của quán K hiện lưu tại bút lục số 32, đây là tài liệu có giá trị chứng minh trong vụ án, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 bì thư niêm phong của Phòng K1 Công an T9, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói mẫu ký hiệu A (theo Biên bản đóng gói, niêm phong ngày 01/4/2025); cùng với sim số 0775.432.024; sim số 0777.428.021; 02 vỏ bình kim loại màu xanh (đã sử dụng hết khí). Đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu tím (IMEI: 352820549587173) của Trần Nhật M2 và 01 điện thoại Iphone màu xanh (IMEI: 353510605169672) của Lê Nguyễn Ngọc V là phương tiện được sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Iphone màu vàng (IMEI: 356571080917453, gắn sim 0766.710.060) của Thân Đức P và 01 điện thoại Iphone màu hồng (IMEI: 356737080215327, gắn sim 0788.500.040) của Đỗ Phước N là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho P và N. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại Redmi màu xanh (IMEI: 860752046521394, gắn sim số 0934.935.760) là tài sản cá nhân của Trần Ngọc H2, không liên quan đến vụ án, đề nghị trả lại cho H2.

Đối với số tiền 3.198.000 đồng là khoản tiền còn lại trong tổng số tiền mà Lê Nguyễn Ngọc V đã nhận từ các bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N và Nguyễn Đức T2 để chi trả cho việc sử dụng trái phép chất ma túy của cả nhóm, đây là khoản tiền có nguồn gốc liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, nên đề nghị truy thu của Lê Nguyễn Ngọc V số tiền 3.198.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng; đồng thời không có ý kiến tranh luận, thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lưu Hồ Anh T4 (do ông Lưu Thế N2 là người đại diện hợp pháp), ông Đinh Trần C và ông Lê Văn H1; tại phiên tòa đều không có ý kiến tranh luận, thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N, Nguyễn Đức T2, Lê Nguyễn Ngọc V và Trần Nhật M2 nói lời sau cùng: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T9, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N, Nguyễn Đức T2, Lê Nguyễn Ngọc V và Trần Nhật M2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 02 giờ 10 phút ngày 31/3/2025, tại phòng Dubai, quán K2, số E V, phường N, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo đã cùng nhau tổ chức cho bản thân và những người khác sử dụng trái phép chất ma túy, gồm cả người chưa đủ 18 tuổi, thì bị phát hiện, thu giữ 0,909 gam ma túy loại Ketamine. Trong đó: Thân Đức P và Đỗ Phước N là những người khởi xướng, rủ rê và góp tiền mua ma túy, P còn trực tiếp tham gia chế biến ma túy; Nguyễn Đức T2 là người liên hệ mua, nhận ma túy, chuẩn bị địa điểm và tham gia chế biến; Lê Nguyễn Ngọc V là người quản lý, thanh toán chi phí; Trần Nhật M2 là người nhận tiền, hỗ trợ việc đưa ma túy cho cho người khác sử dụng. Các bị cáo đã có hành vi góp tiền, chuẩn bị địa điểm, liên hệ mua ma túy, rủ rê và tập hợp nhiều người để cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo không chỉ sử dụng mà còn tổ chức cho nhiều người khác cùng sử dụng ma túy. Đáng chú ý, trong số những người tham gia sử dụng ma túy có người chưa đủ 18 tuổi, thể hiện tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nhận thức rõ hành vi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

[4] Về vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng mức độ, tính chất tham gia có sự khác nhau nên cần phân hóa trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N và Nguyễn Đức T2 giữ vai trò chính. Trong đó, P và N là người khởi xướng, rủ rê, góp tiền mua ma túy, P còn trực tiếp chế biến ma túy; bị cáo T2 là người liên hệ mua, nhận ma túy, chuẩn bị địa điểm và cùng tham gia chế biến. Do đó, các bị cáo này có vai trò tích cực, quyết định trong việc tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và ở cùng một mức án.

Đối với các bị cáo Lê Nguyễn Ngọc V và Trần Nhật M2, tham gia với vai trò thứ yếu hơn. Bị cáo V quản lý, thanh toán chi phí; bị cáo M2 nhận tiền và hỗ trợ đưa ma túy cho người khác sử dụng. Các bị cáo này không giữ vai trò khởi xướng, tổ chức nên cần áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn, nhưng tương xứng và ngang bằng nhau.

Do đó, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử lý nghiêm đối với các bị cáo giữ vai trò chính và giảm nhẹ hơn đối với các bị cáo có vai trò thứ yếu.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Nhật M2, ngoài tình tiết giảm nhẹ nêu trên, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; xét vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án; đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được áp dụng, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo P, N, T2, V và M2 do nghề nghiệp không ổn định và không xác định được tài sản riêng của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Hoá đơn bán hàng số HD0225031003 của quán K hiện lưu theo hồ sơ tại bút lục số 32, tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 bì thư niêm phong của Phòng K1 Công an T9 bên trong chứa Mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói mẫu ký hiệu A (Biên bản đóng gói, niêm phong ngày 01/4/2025); sim số 0775.432.024; sim số 0777.428.021; 02 vỏ bình kim loại màu xanh (đã sử dụng hết khí), là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím, số IMEI: 352820549587173 của Trần Nhật M2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số IMEI: 353510605169672 của Lê Nguyễn Ngọc V, được sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 356571080917453, gắn sim số 0766.710.060 của Thân Đức P (hư nút H3) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng, số IMEI: 356737080215327, gắn sim số 0788.500.040 của Đỗ Phước N, đây là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho P và N. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bị bể mặt kính phía trước và phía sau, số IMEI: 860752046521394, gắn sim số 0934.935.760 của Trần Ngọc H2, đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho H2.

Đối với số tiền 3.198.000 đồng là khoản tiền còn lại trong tổng số tiền mà Lê Nguyễn Ngọc V đã nhận từ các bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N và Nguyễn Đức T2 để chi trả cho việc sử dụng trái phép chất ma túy của cả nhóm, đây là khoản tiền có nguồn gốc liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, nên cần truy thu của Lê Nguyễn Ngọc V để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về vấn đề khác: Qua xác minh tình trạng nghiện của các bị cáo không nằm trong diện quản lý tại địa phương.

Đối với Thân Đức P có hành vi cất giấu 0,909 gam ma túy Ketamine, không đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự, Phòng CSĐTTP về Ma túy Công an T9 đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với P bằng hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Lưu Hồ Anh T4 chỉ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không tham gia giúp sức trong việc “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên không cấu thành. Tại thời điểm vi phạm T4 mới 17 tuổi 6 tháng 14 ngày (chưa đủ 18 tuổi) nên Phòng CSĐTTP về Ma túy Công an T9 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T4 bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Đình Trần C1 có hành vi bán ma túy trái phép cho các bị cáo trong vụ “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” này nhưng Cơ quan điều tra không triệu tập được nên đã ra Quyết định truy tìm. Đến ngày 26/11/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số 13855 tách hành vi của C1 ra xử lý bằng một vụ việc khác để tiếp tục kiểm tra, xác minh là có căn cứ. Tuy nhiên, ngày 20/01/2026 C1 mua bán trái phép chất ma túy bị Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với C1 trong vụ án khác và làm việc với C1 đã thừa nhận về hành vi bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo trong vụ án này nhưng vụ việc đã được tách ra nên sẽ xử lý C1 trong vụ việc khác là phù hợp.

Đối với Karaoke V2 là cơ sở kinh doanh thuộc Công ty Cổ phần Q quản lý, do ông Lê Văn H1 (SN: 1963; Nơi cư trú: số C N, P. T, TP .) đứng tên đại diện theo pháp luật. Làm việc với ông H1, các nhân viên quản lý, thu ngân của Karaoke Vegas không biết việc các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong cơ sở kinh doanh của mình, việc nhân viên thu ngân Nguyễn Thị L nhận chuyển khoản rồi trả lại bằng tiền mặt cho khách là bình thường. Quá trình điều tra đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác với Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Khách sạn H5 là cơ sở kinh doanh thuộc Công ty TNHH H6 do ông Phan Chí V1 (SN: 1998, Nơi cư trú: 369 - 371 đường N, P. H, TP .) đứng tên đại diện theo pháp luật. Bị cáo P khai nhận che giấu việc cất giấu trái phép chất ma túy tại phòng đã thuê. Ông V1 và nhân viên công ty không biết, không liên quan. Quá trình điều tra đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến hoạt động của cơ sở kinh doanh, hợp tác với Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Trần Ngọc H2 chỉ là người giao hàng không biết việc Thân Đức P cất giấu chất ma túy, xét nghiệm H2 cho kết quả âm tính với ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với N3 (bạn T2) có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; T7 (bạn V1); các đối tượng nữ đến hát Karaoke cùng các bị cáo và R1 (người P liên hệ mua khí cười), hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Thân Đức P, Nguyễn Đức T2, Lê Nguyễn Ngọc V, Đỗ Phước N và Trần Nhật M2 phạm các tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thân Đức P **07** (bảy) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/4/2025.

1.2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Phước N **07** (bảy) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 10/4/2025.

1.3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2 **07** (bảy) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 20/10/2025.

1.4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Ngọc V **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 10/4/2025

1.5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nhật M2 **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 10/4/2025

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. T8:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư niêm phong của Phòng K1 Công an T9 bên trong chứa Mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói mẫu ký hiệu A (Biên bản đóng gói, niêm phong ngày 01/4/2025); sim số 0775.432.024; sim số 0777.428.021; 02 vỏ bình kim loại màu xanh (đã sử dụng hết khí).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím, số IMEI: 352820549587173; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số IMEI: 353510605169672.

Truy thu của Lê Nguyễn Ngọc V số tiền 3.198.000 đồng (ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại: Thân Đức P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 356571080917453, gắn sim số 0766.710.060; Đỗ Phước N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng, số IMEI: 356737080215327, gắn sim số 0788.500.040. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại: Trần Ngọc H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bị bể mặt kính phía trước và phía sau, số IMEI: 860752046521394, gắn sim số 0934.935.760.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/3/2026).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: Các bị cáo Thân Đức P, Đỗ Phước N, Nguyễn Đức T2, Lê Nguyễn Ngọc V và Trần Nhật M2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Công an TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Vũ**